

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32
Phụ lục 01: Thông tin về các khoản vay ngắn hạn	33
Phụ lục 02: Thông tin về các khoản vay dài hạn	34

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Chủ tịch	
Ông Phạm Thế Dũng	Ủy viên	
Ông Hoàng Danh Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thùy Hương	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Bùi Văn Lùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

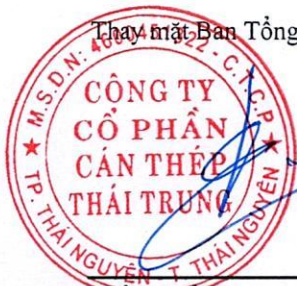
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 05 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 351,41 tỷ đồng, lỗ lũy kế 271,46 tỷ đồng tương ứng 53,4% vốn góp của chủ sở hữu. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	đã điều chỉnh VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.021.411.436.231	101.187.029.463
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.136.149.014	3.585.727.330
111	1. Tiền		2.136.149.014	3.585.727.330
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		988.480.755.051	72.902.340.671
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	986.370.370.864	70.910.509.741
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	353.456.800	1.042.924.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.931.208.340	1.123.187.083
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(174.280.953)	(174.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	26.153.314.591	19.293.802.572
141	1. Hàng tồn kho		26.153.314.591	19.293.802.572
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.641.217.575	5.405.158.890
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.641.217.575	5.390.162.353
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	14.996.537
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.019.646.314.702	1.069.615.005.236
220	II. Tài sản cố định		991.829.448.608	1.046.177.580.744
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	991.705.368.766	1.046.027.378.834
222	- Nguyên giá		1.255.017.883.036	1.254.546.158.036
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(263.312.514.270)	(208.518.779.202)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	124.079.842	150.201.910
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(121.920.158)	(95.798.090)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	945.000.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		945.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.871.866.094	23.437.424.492
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	26.871.866.094	23.437.424.492
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.041.057.750.933	1.170.802.034.699

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	đã điều chỉnh VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.804.515.980.883	940.333.934.488
310	I. Nợ ngắn hạn		1.372.820.641.576	413.729.299.793
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.028.771.832.176	84.186.724.408
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	6.803.438.598	27.527.721
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.827.499.872	1.436.964.511
314	4. Phải trả người lao động		8.607.034.163	11.734.054.552
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.418.672.334	1.546.070.070
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	53.439.557.321	53.606.115.202
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	269.952.607.112	261.191.843.329
330	II. Nợ dài hạn		431.695.339.307	526.604.634.695
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	33.472.052.250	78.381.347.638
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	398.223.287.057	448.223.287.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		236.541.770.050	230.468.100.211
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	236.541.770.050	230.468.100.211
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(271.458.231.417)	(277.531.901.256)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(277.531.901.256)	(300.971.789.502)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.073.669.839	23.439.888.246
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.041.057.750.933	1.170.802.034.699

Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

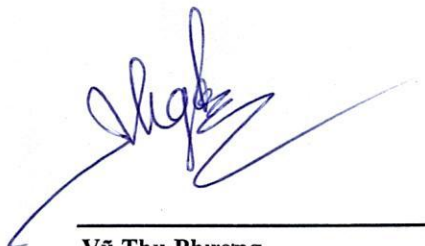
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

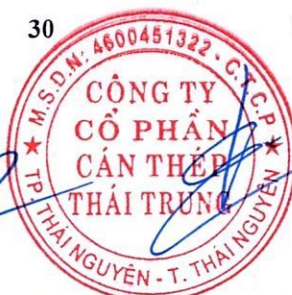
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	đã điều chỉnh VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.504.563.809.143	1.200.802.957.474
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.504.563.809.143	1.200.802.957.474
11	4. Giá vốn hàng bán	22	2.418.682.125.769	1.097.158.175.924
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.881.683.374	103.644.781.550
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	68.171.175	97.569.161
22	7. Chi phí tài chính	24	68.927.679.029	70.674.886.009
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		68.077.875.072	69.447.265.816
25	8. Chi phí bán hàng	25	238.968.018	793.134.666
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.251.091.036	11.886.501.974
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.532.116.466	20.387.828.062
31	11. Thu nhập khác	27	5.757.364.146	3.663.466.318
32	12. Chi phí khác	28	4.215.810.773	611.406.134
40	13. Lợi nhuận khác		1.541.553.373	3.052.060.184
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.073.669.839	23.439.888.246
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.073.669.839	23.439.888.246
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	120	461


Vũ Thu Phương
Người lập


Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng


Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	đã điều chỉnh VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.073.669.839	23.439.888.246
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		54.819.857.136	53.530.835.728
03	- Các khoản dự phòng		-	(20.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(175.166)	(204.498)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.612.839)	(20.366.434)
06	- Chi phí lãi vay		68.077.875.072	69.447.265.816
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		128.961.614.042	146.377.418.858
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(915.563.417.843)	147.917.988.069
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.859.512.019)	7.679.584.197
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		950.453.559.997	(186.331.234.609)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.685.496.824)	(13.766.280.941)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(113.110.152.457)	(114.036.801.292)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	13.150.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(17.275.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		41.196.594.896	(12.163.450.718)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.416.725.000)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.612.839	20.366.434
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.407.112.161)	20.366.434
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.386.571.172.057	719.136.685.665
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.427.810.408.274)	(706.747.629.990)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(41.239.236.217)	12.389.055.675
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.449.753.482)	245.971.391

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	đã điều chỉnh VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.585.727.330	3.339.551.441
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		175.166	204.498
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.136.149.014</u>	<u>3.585.727.330</u>



Vũ Thu Phương
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 508.000.001.467 đồng; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang (sản xuất thép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (bán buôn sắt thép, phôi thép, quặng kim loại);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và dụng cụ khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất thép);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 351,41 tỷ đồng, lỗ lũy kế 271,46 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty hiện đang có các khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Thép Việt Ý và Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Trong đó, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên sẽ cung cấp nguyên liệu chính, đồng thời bao tiêu toàn bộ sản phẩm gia công sản xuất ra do đó sẽ giảm áp lực về vốn lưu động để mua nguyên liệu và các chi phí sản xuất cho Công ty.

Việc ký được hợp đồng với Công ty Cổ phần Thép Việt Ý và có các hợp đồng mua bán thép thường xuyên cho Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi nên khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 277,53 tỷ tại cuối năm 2017 xuống còn 271,46 tỷ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Chính vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

Ngoài ra, từ ngày 01/06/2018, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đã thay đổi phương thức hợp đồng thuê gia công cán sản phẩm thép TISCO với Công ty, chuyển từ hợp đồng gia công thành hợp đồng mua phôi bán thép. Điều này dẫn đến Doanh thu, Giá vốn cũng như số dư Công nợ phải thu, phải trả năm nay đều tăng lên rất nhiều so với số liệu tương ứng năm trước. Bên cạnh đó do tình hình tiêu thụ thép năm nay khó khăn hơn, dẫn đến sản lượng giảm và kéo theo lợi nhuận năm nay giảm đáng kể so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCĐN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Khấu hao tài sản cố định của các tài sản còn lại được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.22 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	38.739.108	134.771.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.097.409.906	3.450.955.951
	2.136.149.014	3.585.727.330

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần thép Việt Ý	154.358.322.668	-	55.273.219.980	-
Chi nhánh CTCP Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy Cán thép Lưu Xá	-	-	14.649.796.408	-
Chi nhánh CTCP Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy Luyện thép Lưu Xá	5.530.032.750	-	813.212.400	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	825.432.228.983	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	1.049.786.463	(174.280.953)	174.280.953	(174.280.953)
	986.370.370.864	(174.280.953)	70.910.509.741	(174.280.953)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	831.837.767.243	-	15.463.008.808	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH XNK Thương mại Kỹ thuật Hoàng Tinh Thành Doanh nghiệp tư nhân Gia Huy	166.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	187.456.800	-	195.924.800	-
	353.456.800	-	1.042.924.800	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	91.457.850	-	22.293.653	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Phải thu người lao động về Bảo hiểm	158.986.656	-	148.360.674	-
Chi phí khởi công vượt định mức ⁽¹⁾	836.681.875	-	836.681.875	-
Phạt thi hành án ⁽²⁾	742.621.723	-	-	-
Phải thu khác	41.460.236	-	55.850.881	-
	1.931.208.340	-	1.123.187.083	-

(1): Khoản chi phí khởi công vượt định mức của dự án nhà máy cán thép công suất 500.000 tấn/năm bị xuất toán theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước, theo dõi phải thu chờ xử lý của Ban lãnh đạo Công ty.

(2): Công ty nộp tiền theo bản án Phúc thẩm số 05/2017/KDTM-PT ngày 29/06/2017 của Tòa án Nhân dân tỉnh Thái Nguyên và quyết định thi hành án theo yêu cầu số 106/QĐ-CCTHAS ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hiện đang chờ kết quả của thủ tục Giám đốc thẩm và xem xét trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

7 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	174.280.953	-	174.280.953	-
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633	-	136.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	174.280.953	-	174.280.953	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.246.857.147	-	18.892.576.759	-
Công cụ, dụng cụ	906.457.444	-	401.225.813	-
	26.153.314.591	-	19.293.802.572	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là ray cầu trục nhà xưởng với tổng số tiền 945.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm đã điều chỉnh	167.861.298.832	919.589.280.943	112.662.189.280	150.696.320	54.282.692.661	1.254.546.158.036
- Mua trong năm	-	-	-	-	471.725.000	471.725.000
Số dư cuối năm	167.861.298.832	919.589.280.943	112.662.189.280	150.696.320	54.754.417.661	1.255.017.883.036
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm đã điều chỉnh	24.173.026.872	147.612.515.045	22.234.706.875	150.696.320	14.347.834.090	208.518.779.202
- Khấu hao trong năm	6.880.765.284	39.039.450.271	5.140.548.244	-	3.732.971.269	54.793.735.068
Số dư cuối năm	31.053.792.156	186.651.965.316	27.375.255.119	150.696.320	18.080.805.359	263.312.514.270
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm đã điều chỉnh	143.688.271.960	771.976.765.898	90.427.482.405	-	39.934.858.571	1.046.027.378.834
Tại ngày cuối năm	136.807.506.676	732.937.315.627	85.286.934.161	-	36.673.612.302	991.705.368.766

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 991.639.736.674 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.867.692.598 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31/12/2018 lần lượt là 246.000.000 đồng và 121.920.158 đồng. Giá trị khấu hao trong năm 2018 là 26.122.068 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.585.081.747	2.492.269.338
Chi phí mua bảo hiểm	515.688.169	530.254.208
Chi phí hệ thống dầu FO lò nung 85 T/H	-	826.851.015
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	1.540.447.659	1.540.787.792
	4.641.217.575	5.390.162.353
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.738.832.719	8.302.061.667
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất	21.133.033.375	15.135.362.825
	26.871.866.094	23.437.424.492

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	830.454.511.680	830.454.511.680	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	155.810.121.707	155.810.121.707	49.773.266.400	49.773.266.400
Công ty Cổ phần quốc tế Hưng Thái	29.390.555.199	29.390.555.199	16.041.572.778	16.041.572.778
Phải trả các đối tượng khác	13.116.643.590	13.116.643.590	18.371.885.230	18.371.885.230
	1.028.771.832.176	1.028.771.832.176	84.186.724.408	84.186.724.408
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	830.921.856.157	-	56.941.856	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>				

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy Cán thép Lưu Xá	6.802.674.683	-
Phải trả các đối tượng khác	763.915	27.527.721
	6.803.438.598	27.527.721
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
	6.802.674.683	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.436.964.511	17.450.296.809	15.059.761.448	-	3.827.499.872
Thuế Thu nhập cá nhân	14.996.537	-	41.288.713	26.292.176	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	161.308.928	161.308.928	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	14.996.537	1.436.964.511	17.655.894.450	15.250.362.552	-	3.827.499.872

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.243.078.325	1.156.305.655
- Chi phí thẩm tra Dự án	95.018.364	223.029.364
- Chi phí phải trả khác	80.575.645	166.735.051
	1.418.672.334	1.546.070.070

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	60.375.002	28.344.832
- Bảo hiểm y tế được chi (thuộc 2%)	5.643.307	7.461.391
- Phải trả lãi vay	53.260.555.212	53.470.309.879
+ <i>Phải trả Ngân hàng về lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án đến hạn trả trong năm</i>	44.909.295.388	44.909.295.388
+ <i>Phải trả về lãi chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh</i>	3.017.531.106	3.005.596.539
+ <i>Phải trả về lãi chậm thanh toán của Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú</i>	3.262.306.395	4.030.028.154
+ <i>Phải trả về lãi ứng trước tiền hàng của Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy Cán thép Lưu Xá</i>	2.071.422.323	1.525.389.798
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	112.983.800	99.999.100
	53.439.557.321	53.606.115.202
b) Dài hạn		
- Phải trả Ngân hàng về lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án đến hạn trả sau 12 tháng	33.472.052.250	78.381.347.638
	33.472.052.250	78.381.347.638
c) Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	2.071.422.323	1.525.389.798

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	đã điều chỉnh		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	216.191.843.329	216.191.843.329	1.386.571.172.057	1.382.810.408.274	219.952.607.112	219.952.607.112
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên ⁽¹⁾	216.191.843.329	216.191.843.329	1.386.571.172.057	1.382.810.408.274	219.952.607.112	219.952.607.112
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	45.000.000.000	45.000.000.000	50.000.000.000	45.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm	45.000.000.000	45.000.000.000	50.000.000.000	45.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
	<u>261.191.843.329</u>	<u>261.191.843.329</u>	<u>1.436.571.172.057</u>	<u>1.427.810.408.274</u>	<u>269.952.607.112</u>	<u>269.952.607.112</u>
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn ⁽²⁾	493.223.287.057	493.223.287.057	-	45.000.000.000	448.223.287.057	448.223.287.057
	<u>493.223.287.057</u>	<u>493.223.287.057</u>	<u>-</u>	<u>45.000.000.000</u>	<u>448.223.287.057</u>	<u>448.223.287.057</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)	(50.000.000.000)	(45.000.000.000)	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>448.223.287.057</u>	<u>448.223.287.057</u>			<u>398.223.287.057</u>	<u>398.223.287.057</u>

Thông tin chi tiết cho các khoản vay:

(1) Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn được thuyết minh tại Phụ lục 01 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

(2) Theo Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/04/2017 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung thỏa thuận điều chỉnh lịch trả nợ khoản vay dài hạn đầu tư dự án nhà máy 500.000 tấn/năm.

Theo cam kết, Công ty được kéo dài thời gian trả nợ tới năm 2025 với yêu cầu trả nợ gốc tăng dần hàng năm từ 2017 đến 2025.

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả được Thuyết minh tại phụ lục 02 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(300.971.789.502)	207.028.211.965
Lãi trong năm trước	-	23.439.888.246	23.439.888.246
Số dư cuối năm trước	508.000.001.467	(277.531.901.256)	230.468.100.211
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	(277.531.901.256)	230.468.100.211
Lãi trong năm nay	-	6.073.669.839	6.073.669.839
Số dư cuối năm nay	508.000.001.467	(271.458.231.417)	236.541.770.050

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68%	475.876.533.387	93,68%	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77%	24.208.538.080	4,77%	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,55%	7.914.930.000	1,55%	7.914.930.000
	100%	508.000.001.467	100%	508.000.001.467

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp đầu năm	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp cuối năm	508.000.001.467	508.000.001.467

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm, từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2018	01/01/2018
- Phôi nhận gửi (tấn)	32.344,263	13.241,750
- Thép nhận gửi (tấn)	57.289,910	2.525,965

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	388,29	388,29
- Đồng Euro (EUR)	53,03	64,03

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.300.244.487.910	892.688.428.030
Doanh thu cung cấp dịch vụ	204.319.321.233	308.114.529.444
	2.504.563.809.143	1.200.802.957.474
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	2.087.390.312.377	317.862.930.526

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017 đã điều chỉnh
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.258.654.233.743	867.098.082.718
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	160.027.892.026	230.060.093.206
	2.418.682.125.769	1.097.158.175.924

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.612.839	20.366.434
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	58.362.604	76.001.841
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	984.750
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	175.166	204.498
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.566	11.638
	68.171.175	97.569.161

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	68.077.875.072	69.447.265.816
Lãi trả chậm khách hàng	244.212.808	751.773.708
Lãi tiền gia công ứng trước	604.395.129	475.846.485
Chi phí tài chính khác	1.196.020	-
	68.927.679.029	70.674.886.009

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.488.645	7.620.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.765.129	8.554.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.614.244	735.717.206
Chi phí khác bằng tiền	126.100.000	41.242.272
	238.968.018	793.134.666

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	561.235.621	367.423.410
Chi phí nhân công	4.300.715.532	5.901.227.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	472.026.072	473.265.059
Thuế, phí, lệ phí	164.308.928	164.408.928
Hoàn nhập dự phòng	-	(20.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.643.005.614	1.440.266.041
Chi phí khác bằng tiền	4.109.799.269	3.559.910.635
	12.251.091.036	11.886.501.974

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu từ thép phế	4.094.877.500	2.413.543.600
Thu từ bán xỉ bùn, vảy cán	1.530.695.810	773.607.800
Thu nhập từ xuống phôi hàng gửi	80.087.234	265.508.457
Tiền hướng dẫn thực tập tốt nghiệp	3.000.000	12.400.000
Thu nhập khác	48.703.602	198.406.461
	5.757.364.146	3.663.466.318

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thu gom thép phế	91.877.881	148.899.306
Chi phí thu hồi xỉ bùn, vảy cán	237.466.851	185.228.759
Chi phí xuống phôi hàng gửi	69.059.924	265.508.457
Chi phí nhân công, chi phí chung trong thời gian ngừng sản xuất	3.815.006.117	-
Chi phí dẫn thực tập tốt nghiệp	2.400.000	9.900.000
Chi phí khác	-	1.869.612
	4.215.810.773	611.406.134

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.073.669.839	23.439.888.246
Các khoản điều chỉnh tăng	78.000.000	78.000.000
- Chi phí không hợp lệ	78.000.000	78.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(276.492.179.423)	(299.989.811.261)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(175.166)	(204.498)
- Chuyển lỗ các năm trước	(276.492.004.257)	(299.989.606.763)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(270.340.509.584)	(276.471.923.015)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.073.669.839	23.439.888.246
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.073.669.839	23.439.888.246
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.800.000	50.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	120	461

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.325.776.245.108	1.011.982.434.890
Chi phí nhân công	29.181.093.006	32.293.029.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.819.857.136	53.551.121.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.246.431.201	6.739.727.003
Chi phí khác bằng tiền	10.555.782.336	8.779.436.896
	2.436.579.408.787	1.113.345.749.342

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018 (đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.136.149.014	-	3.585.727.330	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	988.301.579.204	(174.280.953)	72.033.696.824	(174.280.953)
	990.437.728.218	(174.280.953)	75.619.424.154	(174.280.953)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	668.175.894.169	709.415.130.386
Phải trả người bán, phải trả khác	1.115.683.441.747	216.174.187.248
Chi phí phải trả	1.418.672.334	1.546.070.070
	1.785.278.008.250	927.135.387.704

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.136.149.014	-	-	2.136.149.014
Phải thu khách hàng, phải thu khác	988.127.298.251	-	-	988.127.298.251
	<u>990.263.447.265</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>990.263.447.265</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.585.727.330	-	-	3.585.727.330
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.859.415.871	-	-	71.859.415.871
	<u>75.445.143.201</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>75.445.143.201</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	269.952.607.112	350.000.000.000	48.223.287.057	668.175.894.169
Phải trả người bán, phải trả khác	1.082.211.389.497	33.472.052.250	-	1.115.683.441.747
Chi phí phải trả	1.418.672.334	-	-	1.418.672.334
	<u>1.353.582.668.943</u>	<u>383.472.052.250</u>	<u>48.223.287.057</u>	<u>1.785.278.008.250</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	261.191.843.329	320.000.000.000	128.223.287.057	709.415.130.386
Phải trả người bán, phải trả khác	137.792.839.610	78.381.347.638	-	216.174.187.248
Chi phí phải trả	1.546.070.070	-	-	1.546.070.070
	<u>400.530.753.009</u>	<u>398.381.347.638</u>	<u>128.223.287.057</u>	<u>927.135.387.704</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.087.390.312.377	317.862.930.526
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	2.087.390.312.377	317.862.930.526
Mua hàng		1.719.317.208.165	763.560.642
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	1.719.317.208.165	763.560.642
Lãi chậm thanh toán phải thu		58.362.604	76.001.841
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	58.362.604	76.001.841
Lãi tiền ứng trước phải trả		604.395.129	475.846.485
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	604.395.129	475.846.485

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng		831.837.767.243	15.463.008.808
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	831.837.767.243	15.463.008.808
Phải trả người bán ngắn hạn		830.921.856.157	56.941.856
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	830.921.856.157	56.941.856
Người mua trả tiền trước		6.802.674.683	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	6.802.674.683	-
Phải trả khác		2.071.422.323	1.525.389.798
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	2.071.422.323	1.525.389.798

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

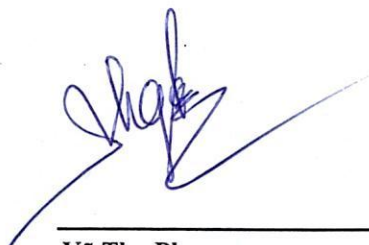
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	199.500.000	307.966.346
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	374.500.000	746.659.126


35 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ trên kết luận kiểm toán Nhà Nước bao gồm: Giảm nguyên giá tài sản do chi phí khởi công dự án vượt định mức số tiền 836.681.875 đồng và giảm hao mòn tương ứng số tiền 20.285.740 đồng. Theo đó một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm 2017 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu điều chỉnh theo kết luận Kiểm toán Nhà Nước VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
a) Bảng Cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.123.187.083	286.505.208
Tài sản cố định hữu hình	221	1.046.027.378.834	1.046.843.774.969
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(277.531.901.256)	(277.552.186.996)
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
Giá vốn hàng bán	11	1.097.158.175.924	1.097.178.461.664
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23.439.888.246	23.419.602.506
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Lợi nhuận trước thuế	01	23.439.888.246	23.419.602.506
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	53.530.835.728	53.551.121.468


Vũ Thu Phương
Người lập


Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng


Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN**Chi tiết khoản vay ngắn hạn**

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
I	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên							
1	57/2018/2573181/HĐTD	22/11/2018	8,0%	5 tháng	28.000.000.000	11.870.000.000	Thanh toán tiền mua phôi thép	Tín chấp
2	58/2018/2573181/HĐTD	27/11/2018	8,0%	5 tháng	20.000.000.000	20.000.000.000	Thanh toán tiền mua phôi thép	Tín chấp
3	59/2018/2573181/HĐTD	28/11/2018	8,0%	5 tháng	4.625.140.882	4.625.140.882	Thanh toán tiền mua vật tư; mua khí CNG; tiền BHXH, BHYT, BHTN.	Tín chấp
4	60/2018/2573181/HĐTD	30/11/2018	8,0%	5 tháng	6.470.706.396	6.470.706.396	Thanh toán tiền điện.	Tín chấp
5	61/2018/2573181/HĐTD	24/12/2018	8,0%	5 tháng	40.000.000.000	40.000.000.000	Thanh toán tiền mua phôi thép	Tín chấp
6	62/2018/2573181/HĐTD	25/12/2018	8,0%	5 tháng	37.486.759.834	37.486.759.834	Thanh toán tiền BHXH, BHYT, BHTN; tiền mua phôi thép; mua thực phẩm ăn ca.	Tín chấp
7	63/2018/2573181/HĐTD	26/12/2018	8,0%	5 tháng	99.500.000.000	99.500.000.000	Thanh toán tiền mua phôi thép	Tín chấp
	Tổng cộng				236.082.607.112	219.952.607.112		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

PHỤ LỤC 02 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức đảm bảo (*)
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên				195.290.886.170	21.785.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	195.290.886.170	21.785.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang				58.806.895.262	9.845.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	58.806.895.262	9.845.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)				88.255.165.222	6.560.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	88.255.165.222	6.560.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân Hàng NN&PT Nông thôn CN Thái Nguyên				47.063.445.141	5.250.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	47.063.445.141	5.250.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)				29.403.447.631	3.280.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	29.403.447.631	3.280.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên				29.403.447.631	3.280.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	29.403.447.631	3.280.000.000	Tài sản thế chấp
	Tổng cộng			448.223.287.057	50.000.000.000	

(*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

